



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2021

Đà Nẵng, tháng 10 năm 2021

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/09/2021)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2021)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.354.629.704.115	963.187.373.809
I. Tiền	110		43.032.524.602	44.218.004.444
1 . Tiền	111	V.1	23.647.524.602	15.009.004.444
2 . Các khoản tương đương tiền	112		19.385.000.000	29.209.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		128.157.800.000	24.357.800.000
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	128.157.800.000	24.357.800.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		622.863.930.054	343.222.650.824
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	528.632.537.630	327.938.419.824
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		86.238.533.520	15.160.599.151
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		309.500.000	591.200.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	14.518.550.100	5.974.469.386
5 . Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(6.835.191.196)	(6.477.312.214)
6 . Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	35.274.677
IV. Hàng tồn kho	140		520.212.586.967	514.036.868.557
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	521.510.428.111	519.167.562.134
<i>a . Hàng mua đang đi đường</i>			-	65.810.376.595
<i>b . Nguyên liệu vật liệu tồn kho</i>	142		207.407.160.870	123.585.974.784
<i>c . Công cụ dụng cụ trong kho</i>	143		1.063.204.343	2.273.738.947
<i>d . Chi phí SXKD dở dang</i>	144		273.895.250.064	183.730.754.945
<i>e . Thành phẩm tồn kho</i>	145		31.155.830.340	101.575.566.512
<i>f . Hàng hoá tồn kho</i>	146		3.821.296.527	5.773.108.494
<i>g . Hàng gửi đi bán</i>	147		4.167.685.967	36.418.041.857
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.297.841.144)	(5.130.693.577)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.362.862.492	37.352.049.984
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	9.931.769.079	8.649.177.117
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	30.423.772.324	28.694.650.370
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	7.321.089	8.222.497

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/09/2021)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2021)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		738.472.618.050	788.049.995.316
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.303.096.000	1.165.096.000
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215		918.200.000	710.200.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	384.896.000	454.896.000
II. Tài sản cố định	220		691.628.128.417	737.825.704.383
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	689.578.897.703	736.529.984.178
- Nguyên giá	222		1.839.273.565.752	1.796.593.958.831
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.149.694.668.049)	(1.060.063.974.653)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.049.230.714	1.295.720.205
- Nguyên giá	228		12.536.928.452	11.224.929.405
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.487.697.738)	(9.929.209.200)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.064.990.818	4.180.723.801
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	1.064.990.818	4.180.723.801
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	15.458.262.501	14.873.729.511
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.194.828.724	13.610.295.734
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.492.268.223)	(6.492.268.223)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.9	29.018.140.314	30.004.741.621
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		29.018.140.314	29.934.698.270
2. Lợi thế thương mại	269		-	70.043.351
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.093.102.322.165	1.751.237.369.125

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/09/2021)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2021)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.541.254.921.004	1.273.247.562.149
I. Nợ ngắn hạn	310		1.218.617.870.445	946.954.491.262
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	218.066.283.167	216.717.707.406
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.990.315.416	34.759.801.430
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	41.886.501.675	11.277.924.437
4 . Phải trả người lao động	314		265.042.423.665	243.297.137.352
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	4.875.163.330	4.356.215.044
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		376.927.471	1.090.909.090
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	50.756.379.939	20.644.188.608
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	523.883.597.458	342.246.816.537
9 . Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		40.000.000	40.000.000
10 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	69.700.278.324	72.523.791.358
II. Nợ dài hạn	330		322.637.050.559	326.293.070.887
1 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		10.740.759.952	10.740.759.952
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	311.896.290.607	315.552.310.935
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		551.847.401.161	477.989.806.976
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	551.847.401.161	477.989.806.976
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		236.250.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.250.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 . Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.176.340.000	-
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		140.963.518.580	131.581.249.354
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		135.611.698.655	93.703.298.049
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		46.452.467.056	32.966.962.290
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		89.159.231.599	60.736.335.759
5 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		37.845.843.926	27.705.259.573
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.093.102.322.165	1.751.237.369.125

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 10 năm 2021



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			năm 2021	năm 2020	năm 2021	năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.125.248.182.987	884.522.803.425	2.674.985.808.113	2.466.083.245.540
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.971.817	100.433.025	341.666.821	847.956.924
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.125.240.211.170	884.422.370.400	2.674.644.141.292	2.465.235.288.616
4. Giá vốn hàng bán	11		1.008.954.362.560	817.800.397.516	2.404.382.352.061	2.273.193.967.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		116.285.848.610	66.621.972.884	270.261.789.231	192.041.320.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	14.739.666.945	5.302.105.775	25.959.106.994	18.730.389.211
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	7.575.696.867	5.571.000.222	19.127.363.334	25.813.973.569
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		4.260.235.820	4.853.717.179	12.848.344.090	17.374.530.168
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	24		137.708.277	56.339.340	1.870.132.990	2.045.117.438
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	37.753.292.941	23.461.690.500	83.269.022.200	58.462.965.799
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	29.178.717.596	27.050.540.867	87.889.034.666	82.149.750.943
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21 - 22)+24-(25 + 26)]	30		56.655.516.428	15.897.186.410	107.805.609.015	46.390.137.141
12. Thu nhập khác	31	VI.6	186.906.215	208.744.802	1.202.933.708	2.281.468.570
13. Chi phí khác	32	VI.7	200.362.413	83.802.892	1.011.954.019	925.554.489
14. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32)	40		(13.456.198)	124.941.910	190.979.689	1.355.914.081
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		56.642.060.230	16.022.128.320	107.996.588.704	47.746.051.222
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.408.665.768	1.499.195.974	8.495.708.124	4.726.251.023
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		52.233.394.462	14.522.932.346	99.500.880.580	43.019.800.199
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		48.036.397.255	14.056.700.940	89.159.231.599	41.675.935.527
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.196.997.207	466.231.406	10.341.648.981	1.343.864.672
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				3.962	1.852

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Kỳ tài chính từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		107.996.588.704	47.746.051.222
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		97.879.042.412	113.115.409.529
- Các khoản dự phòng	03		(3.068.848.698)	10.466.035.476
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.491.855.791)	893.973.181
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(4.893.654.046)	(4.449.064.699)
- Chi phí lãi vay	06		12.848.344.090	17.374.530.168
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (08 = 01+02+03+04+05+06)	08		208.269.616.671	185.146.934.877
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(282.550.078.840)	(107.998.421.440)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.342.865.977)	170.601.657.729
- Tăng, giảm các khoản phải trả(không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		70.559.302.250	(32.240.323.996)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(431.741.845)	2.535.645.332
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.140.952.576)	(17.692.153.245)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.326.393.161)	(4.289.319.929)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		217.791.920	227.140.230
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.054.381.349)	(7.219.548.199)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(29.799.702.907)	189.071.611.359

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (Tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Kỳ tài chính từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(51.044.635.537)	(90.654.599.226)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		307.272.728	766.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(142.330.000.000)	(27.755.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38.603.700.000	12.392.545.329
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		2.716.248.328	1.637.357.411
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(151.747.414.481)	(103.612.878.304)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		11.250.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.224.528.987.067	1.814.897.982.865
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.043.616.296.521)	(1.852.617.854.686)
4. Cổ tức, lợi tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.801.053.000)	(37.660.767.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		180.361.637.546	(75.380.639.518)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1.185.479.842)	10.078.093.537
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		44.218.004.444	30.303.763.991
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	43.032.524.602	40.381.857.528

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, Ngày 19 tháng 10 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày trên đây đã được hợp nhất số liệu của Tổng công ty và các công ty con trong toàn tập đoàn, bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần Thời Trang Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An
- Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Duy Xuyên
- Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ Thăng Bình
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây Dựng Hòa Thọ

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty và các công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Cơ sở hợp nhất:

1.1. Công ty con:

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

1.2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

1.3. Công ty liên kết:

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

1.4. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại các công ty liên kết này.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế .

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu , thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định , và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:

* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

10. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất ưu đãi 10%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	<u>30/09/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền mặt tại quỹ	241.303.042	135.106.746
– VND	241.303.042	135.106.746
Tiền gửi ngân hàng	23.406.221.560	14.873.897.698
– VND	11.723.324.828	8.997.669.583
– USD	11.677.160.990	5.870.047.243
– EURO	5.735.742	6.180.872
Tương đương tiền	19.385.000.000	29.209.000.000
Cộng	<u>43.032.524.602</u>	<u>44.218.004.444</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính:

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	<u>30/09/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	128.157.800.000	128.157.800.000	24.357.800.000	24.357.800.000
Cộng	<u>128.157.800.000</u>	<u>128.157.800.000</u>	<u>24.357.800.000</u>	<u>24.357.800.000</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Phú Ninh	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	6.428.000.000	7.766.828.724	6.428.000.000	7.182.295.734
Cộng	10.428.000.000	3.766.828.724	10.428.000.000	3.182.295.734

*** Đầu tư vào đơn vị khác**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	855.702.000	(192.268.223)	855.702.000	(192.268.223)
Công ty Cổ phần bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng	7.755.702.000	(6.492.268.223)	7.755.702.000	(6.492.268.223)

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:**

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Quảng Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	494.020.578	365.387.830
Mua hàng hóa và dịch vụ	57.764.447.633	62.142.132.617
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.007.651.887	1.071.478.520
Mua hàng hóa và dịch vụ	35.426.484.666	42.044.223.296
Công ty mẹ - Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.217.743.409	5.102.164.364
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.266.560.775	17.062.517.685

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:**a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :**

	30/09/2021	01/01/2021
<i>MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED</i>	<i>132.818.108.596</i>	<i>78.078.624.227</i>
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	<i>56.720.580.669</i>	<i>41.683.438.845</i>
<i>GAMAL IBRAHIM AHMED AL OKIYA</i>	<i>46.300.759.636</i>	<i>23.171.574.742</i>
<i>HULTAFORS GROUP AB</i>	<i>43.792.285.964</i>	<i>1.628.629.320</i>
<i>SUPREME INTERNATIONAL LLC</i>	<i>32.950.017.436</i>	<i>44.510.862.972</i>
<i>GDTEX HONGKONG LIMITED</i>	<i>30.381.758.608</i>	<i>7.962.071.109</i>
<i>TEXTIL JADUE LIMITADA</i>	<i>20.769.688.514</i>	<i>608.131.059</i>
<i>KURARAY TRADING CO.,LTD</i>	<i>18.071.817.329</i>	<i>13.948.063.314</i>
<i>DESTINATION XL GROUP INC</i>	<i>17.501.535.362</i>	<i>13.065.753.409</i>
<i>HAGGAR CANADA CO.</i>	<i>-</i>	<i>24.148.352.799</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>129.325.985.516</i>	<i>79.132.918.028</i>
Tổng cộng	528.632.537.630	327.938.419.824

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	30/09/2021	01/01/2021
<i>Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh</i>	<i>26.655.750</i>	<i>104.079.250</i>
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	<i>15.918.800</i>	<i>85.771.834</i>
Tổng cộng	42.574.550	189.851.084

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Các khoản phải thu khác:****a, Phải thu ngắn hạn khác:**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	1.902.096.835	-	616.621.254	-
Ký cược, ký quỹ	2.806.885.800	-	2.971.547.668	-
Phải thu khác	9.809.567.465	-	2.386.300.464	-
- Phải thu tiền BHYT, BHXH, BHTN	75.601.073	-	3.272.618	-
- Phải thu khác	9.733.966.392	-	2.383.027.846	-
Cộng	14.518.550.100	-	5.974.469.386	-

b, Phải thu dài hạn khác:

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	384.896.000	-	454.896.000	-
Cộng	384.896.000	-	454.896.000	-

5. Hàng tồn kho:

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	65.810.376.595	-
Nguyên vật liệu	207.407.160.870	-	123.585.974.784	-
Công cụ dụng cụ	1.063.204.343	-	2.273.738.947	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	273.895.250.064	-	183.730.754.945	-
Thành phẩm	31.155.830.340	(1.036.878.955)	101.575.566.512	(4.698.180.889)
Hàng hóa	3.821.296.527	(260.262.823)	5.773.108.494	(260.262.823)
Hàng gửi đi bán	4.167.685.967	(699.366)	36.418.041.857	(172.249.865)
Cộng	521.510.428.111	(1.297.841.144)	519.167.562.134	(5.130.693.577)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chi tiêu	Nhóm						Tổng cộng
		Nhà cửa kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư tại ngày 01/01/2021		423.425.543.846	1.209.646.674.997	62.516.673.209	8.359.536.921	92.645.529.858	1.796.593.958.831
Mua mới trong năm		31.818.182	14.562.906.526	1.165.287.982	162.462.291	262.000.000	16.184.474.981
Chuyển từ XDCB dở dang		1.347.005.145	23.289.644.644	7.132.894.335	48.556.200	2.231.140.904	34.049.241.228
Thanh lý		(562.394.199)	(4.882.237.731)	(1.788.698.321)	(206.843.065)	(113.935.972)	(7.554.109.288)
- Số dư tại ngày 30/09/2021		424.241.972.974	1.242.616.988.436	69.026.157.205	8.363.712.347	95.024.734.790	1.839.273.565.752
Giá trị đã hao mòn							
Số dư tại ngày 01/01/2021		156.424.623.337	789.686.142.738	34.797.622.157	6.917.342.231	72.238.244.190	1.060.063.974.653
Khấu hao trong kỳ		15.072.663.447	70.743.330.394	4.684.201.550	559.666.311	6.124.940.982	97.184.802.684
Thanh lý		(562.394.199)	(4.882.237.731)	(1.788.698.321)	(206.843.065)	(113.935.972)	(7.554.109.288)
- Số dư tại ngày 30/09/2021		170.934.892.585	855.547.235.401	37.693.125.386	7.270.165.477	78.249.249.200	1.149.694.668.049
Giá trị còn lại							
- Số dư tại ngày 01/01/2021		267.000.920.509	419.960.532.259	27.719.051.052	1.442.194.690	20.407.285.668	736.529.984.178
- Số dư tại ngày 30/09/2021		253.307.080.389	387.069.753.035	31.333.031.819	1.093.546.870	16.775.485.590	689.578.897.703

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 623.624 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định vô hình:**

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2021	11.224.929.405
Tăng trong kỳ	1.311.999.047
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/09/2021	12.536.928.452
Khấu hao	
Số dư tại ngày 01/01/2021	9.929.209.200
Tăng trong kỳ	558.488.538
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/09/2021	10.487.697.738
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.295.720.205
Số dư tại ngày 30/09/2021	2.049.230.714

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 8.873 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	30/09/2021	01/01/2021
+ Chi phí cải tạo máy Điện Bàn	-	583.481.664
+ Đầu tư XD nhà máy may Triệu Phong	82.045.454	2.363.605.351
+ Đầu tư thiết bị nhà máy sợi	-	575.750.000
+ Chi phí xây dựng mở rộng May Duy Xuyên	-	472.568.604
+ Đầu tư xây dựng chiến lược 2020-2030	949.119.000	-
+ Các công trình khác	33.826.364	185.318.182
Cộng	1.064.990.818	4.180.723.801

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước:**

	30/09/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.931.769.079	8.649.177.117
b. Dài hạn:		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	29.018.140.314	29.934.698.270
c. Lợi thế thương mại	-	70.043.351
Cộng	38.949.909.393	38.653.918.738

10. Phải trả người bán ngắn hạn:

- **Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn:**

	30/09/2021	01/01/2021
HULTAFORS GROUP AB	39.792.163.922	12.009.223.239
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	23.505.655.597	16.754.023.232
KWONG LUNG ENTERPRISE CO.,LTD	21.988.171.726	8.354.163.269
Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam	10.951.827.784	12.453.389.509
Công Ty TNHH TM - SX Bao Bì Hải Vương	10.035.608.046	4.068.564.372
CÔNG TY TNHH PHỐN THỊNH - TAE GWANG	8.564.969.897	1.706.790.907
MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED	4.708.879.662	7.140.332.328
DEVCOT S.A	-	7.459.357.394
VITERRA B.V	-	18.528.983.079
DEVCOT COTTON MERCHANTS	-	5.614.471.524
Công ty cổ phần năng lượng mặt trời Phương Đông	-	9.363.864.900
MULTI- IFIBER HANDELS GMBH	-	11.708.726.478
LAKA ENTERPRISE CO., LTD	-	4.808.092.719
Các nhà cung cấp khác	98.519.006.533	96.747.724.456
	218.066.283.167	216.717.707.406

- **Phải trả người bán là các bên liên quan:**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/09/2021	01/01/2021
- Công ty CP may Hoà Thọ Phú Ninh	1.455.183.950	-
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam	23.505.655.597	16.754.023.232
- Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam	10.951.827.784	12.453.389.509
Tổng cộng	35.912.667.331	29.207.412.741

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2021	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	30/06/2021
Thuế thu nhập DN	5.233.501	(5.233.501)	2.209.100	-	-	2.209.100
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.577.547	-	-	2.577.547
Thuế thu nhập cá nhân	2.988.996	(2.988.996)	-	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	2.534.442	-	-	2.534.442
Cộng	8.222.497	(8.222.497)	7.321.089	-	-	7.321.089

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2021	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	30/09/2021
Thuế GTGT bán hàng nội địa	8.304.895.932	91.204.464.812	(21.161.893.600)	(46.186.523.624)	-	32.160.943.520
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.184.837.400	(6.184.837.400)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	153.955.742	2.297.338.371	(2.420.562.652)	-	-	30.731.461
Thuế thu nhập DN	2.718.939.347	8.490.474.623	(4.324.184.061)	-	-	6.885.229.909
Thuế thu nhập cá nhân	99.739.416	2.785.654.578	(2.789.345.205)	-	-	96.048.789
Các loại thuế khác	394.000	3.918.315.713	(1.205.161.717)	-	-	2.713.547.996
Cộng	11.277.924.437	114.881.085.497	(38.085.984.635)	(46.186.523.624)	-	41.886.501.675

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2021	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	30/09/2021
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	28.694.650.370	129.517.554.625	(81.548.328.680)	(46.186.523.624)	(53.580.367)	30.423.772.324
Cộng	28.694.650.370	129.517.554.625	(81.548.328.680)	(46.186.523.624)	(53.580.367)	30.423.772.324

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí phải trả ngắn hạn:**

	30/09/2021	01/01/2021
<i>Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in (VP)</i>	<i>635.705.683</i>	<i>996.748.384</i>
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>41.104.233</i>	<i>333.712.719</i>
<i>Chi phí thuê đất</i>	<i>948.548.856</i>	<i>-</i>
<i>Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)</i>	<i>2.269.426.126</i>	<i>1.191.100.053</i>
<i>Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng (Đơn vị may)</i>	<i>976.970.614</i>	<i>1.749.372.974</i>
<i>Các chi phí khác</i>	<i>3.407.818</i>	<i>85.280.914</i>
Cộng	4.875.163.330	4.356.215.044

13. Phải trả ngắn hạn khác:

	30/09/2021	01/01/2021
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>15.832.564.865</i>	<i>15.406.513.458</i>
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>56.472.501</i>	<i>32.986.371</i>
<i>Bảo hiểm y tế</i>	<i>10.165.050</i>	<i>-</i>
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>4.517.800</i>	<i>2.029.523</i>
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>160.000.000</i>	<i>168.706.830</i>
<i>Lãi cổ tức phải trả</i>	<i>23.014.942.100</i>	<i>985.785.100</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>11.677.717.623</i>	<i>4.048.167.326</i>
Cộng	50.756.379.939	20.644.188.608

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	30/09/2021	Phát sinh trong kỳ		01/01/2021
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Công thương Đà Nẵng	147.696.735.406	530.430.301.250	479.432.299.094	96.698.733.250
+ Ngân hàng ĐT & PT Đà Nẵng	65.947.846.209	229.843.892.536	224.166.148.645	60.270.102.318
+ Ngân hàng Quốc tế	-	27.235.548.289	27.235.548.289	-
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	244.422.748.820	1.110.872.791.396	976.587.974.299	110.137.931.723
+ Ngân hàng Kỹ Thương ĐN	17.661.536.340	201.568.616.518	202.497.373.168	18.590.292.990
+ Ngân hàng Woori CN Đà Nẵng	29.794.488.680	119.572.910.813	97.557.690.757	7.779.268.624
+ Ban liên lạc hưu trí	249.000.000	69.000.000	-	180.000.000
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	1.677.684.573	1.677.684.573	-
Cộng	505.772.355.455	2.221.270.745.375	2.009.154.718.825	293.656.328.905

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b, Vay dài hạn:

	30/09/2021	Phát sinh trong kỳ		01/01/2021
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Công thương Đà Nẵng	100.395.416.962	-	-	100.395.416.962
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế	2.627.479.555	17.212.118	3.045.889.482	5.656.156.919
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	204.223.394.090	1.030.380.903	6.307.723.867	209.500.737.054
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	4.650.000.000	6.300.000.000	1.650.000.000	-
Cộng	311.896.290.607	7.347.593.021	11.003.613.349	315.552.310.935

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	30/09/2021	Phát sinh trong kỳ		01/01/2021
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	18.111.242.003	6.894.485.482	37.373.731.111	48.590.487.632
Cộng	18.111.242.003	6.894.485.482	37.373.731.111	48.590.487.632

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	225.000.000.000	113.283.038.700	116.974.532.760	-	26.202.843.172	481.460.414.632
- Phân bổ vào các quỹ	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	60.736.335.759	-	1.502.416.401	62.238.752.160
- Cổ tức	-	-	(56.250.000.000)	-	-	(56.250.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(9.459.359.816)	-	-	(9.459.359.816)
Số dư tại ngày 31/12/2020	225.000.000.000	131.581.249.354	93.703.298.049	-	27.705.259.573	477.989.806.976
Số dư tại ngày 01/01/2021	225.000.000.000	131.581.249.354	93.703.298.049	-	27.705.259.573	477.989.806.976
- Tăng vốn trong năm	11.250.000.000	-	(1.176.340.000)	1.176.340.000	-	11.250.000.000
- Phân bổ vào các quỹ	-	9.382.269.226	(9.382.269.226)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	89.159.231.599	-	10.341.648.981	99.500.880.580
- Cổ tức	-	-	(33.750.000.000)	-	(80.210.000)	(33.830.210.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(2.942.221.767)	-	(120.854.628)	(3.063.076.395)
Số dư tại ngày 30/09/2021	236.250.000.000	140.963.518.580	135.611.698.655	1.176.340.000	37.845.843.926	551.847.401.161

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	30/09/2021	01/01/2021
Vốn góp của Tập đoàn Dệt may Việt Nam	146.156.210.000	146.156.210.000
Vốn góp của các đối tượng khác	90.093.790.000	78.843.790.000
Cộng	236.250.000.000	225.000.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

c, Cổ phiếu:

	30/09/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.625.000	22.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.625.000	22.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.625.000	22.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.625.000	22.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/01/2021	72.523.791.358
Trích lập trong năm từ lợi nhuận thuần	3.063.076.395
Tăng khác trong kỳ	217.791.920
Sử dụng trong kỳ	(6.104.381.349)
Số dư tại ngày 30/09/2021	69.700.278.324

17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

• **Ngoại tệ các loại:**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Nguyên tệ	VNĐ	Nguyên tệ	VNĐ
USD	520.022,37	11.677.160.990	255.149,06	5.870.047.243
EUR	220,58	5.735.742	220,58	6.180.872

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
+ Doanh thu bán hàng	2.671.022.630.540	2.463.066.122.019
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.367.340.722	2.221.796.043
+ Doanh thu khác	595.836.851	795.327.478
Cộng	2.674.985.808.113	2.466.083.245.540

b, các khoản giảm trừ doanh thu:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
Chiết khấu thương mại	-	432.221.979
Giảm giá hàng bán	-	25.432.748
Hàng bán bị trả lại	341.666.821	390.302.197
Cộng	341.666.821	847.956.924

2. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay,	2.548.248.328	1.445.357.411
Chiết khấu thanh toán	6.491.769	59.835.472
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.744.511.106	17.033.196.328
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.491.855.791	-
Lợi nhuận được chia	168.000.000	192.000.000
Cộng	25.959.106.994	18.730.389.211

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***3. Chi phí tài chính:**

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
Chi phí lãi tiền vay	12.848.344.090	17.374.530.168
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	6.279.019.244	6.788.870.328
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	893.973.181
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	756.599.892
Cộng	19.127.363.334	25.813.973.569

4. Chi phí bán hàng:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
Chi phí nhân viên	3.313.664.618	4.436.121.094
Chi phí vật liệu, bao bì	457.099.247	346.009.426
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.311.093.401	1.575.441.226
Chi phí khấu hao TSCĐ	734.270.377	651.597.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.220.237.558	43.748.131.723
Chi phí bằng tiền khác	7.232.656.999	7.705.664.590
Cộng	83.269.022.200	58.462.965.799

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
Chi phí nhân viên	47.141.958.673	42.918.411.855
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.135.254.718	2.362.099.349
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.310.437.958	7.805.544.189
Thuế, phí và lệ phí	3.665.269.941	2.295.178.945
Chi phí dự phòng	764.003.735	(7.500.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.421.444.427	9.143.868.117
Chi phí bằng tiền khác	15.450.665.214	17.632.148.488
Cộng	87.889.034.666	82.149.750.943

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Thu nhập khác:**

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	307.272.728	766.589.850
Các khoản thu khác	895.660.980	1.514.878.720
Cộng	1.202.933.708	2.281.468.570

7. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
Các khoản chi khác	1.011.954.019	925.554.489
Cộng	1.011.954.019	925.554.489

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.262.255.398.196	1.025.794.441.059
Chi phí nhân công	805.507.479.650	713.524.696.816
Chi phí khấu hao TSCĐ	97.879.042.412	113.115.409.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	390.407.643.812	393.261.128.066
Cộng	2.556.049.564.070	2.245.695.675.470

9. Báo cáo bộ phận:

Một bộ phận là một phần không thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Tổng công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Tổng công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tổng công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Thụy Điển
- Vương quốc Anh
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Các vùng địa lý khác

Đơn vị tính: 1.000.000 đồng

	Trung Quốc		Hoa kỳ		Thụy Điển		Vương quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020
Tổng doanh thu của bộ phận	734.754	626.692	327.858	314.739	259.637	229.249	-	9.855	351.099	362.841	197.819	281.739	295.255	182.473	508.563	458.495	2.674.986	2.466.083
Kết quả kinh doanh của bộ phận	44.923	41.451	39.512	40.310	13.963	13.342	-	433	26.265	25.632	47.017	21.256	13.742	7.781	84.840	41.836	270.262	192.041
Thu nhập không phân bổ																	27.829	20.776
Chi phí không phân bổ																	190.285	166.427
Kết quả từ hoạt động kinh doanh																	107.806	46.390
Thu nhập khác																	1.203	2.281
Chi phí khác																	1.012	926
Thuế TNDN																	8.496	4.726
Lợi nhuận thuần sau thuế																	99.501	43.020

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc		Hoa kỳ		Thụy Điển		Vương Quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	30/09/2021	01/01/2021	30/09/2021	01/01/2021	30/09/2021	01/01/2021	30/09/2021	01/01/2021	30/09/2021	01/01/2021	30/09/2021	01/01/2021	30/09/2021	01/01/2021	30/09/2021	01/01/2021	30/09/2021	01/01/2021
Tài sản của bộ phận	202.217	93.403	108.687	103.797	43.792	1.629	-	-	37.220	27.357	46.301	29.758	24.241	22.659	66.175	49.335	528.633	327.938
Giá trị còn lại của tài sản không phân bổ																	1.564.470	1.423.299
Tổng tài sản																	2.093.102	1.751.237
Nợ phải trả của bộ phận	242	34.521	37.352	143,00	-	-	-	-	-	-	-	-	13.157	9.328	3.980	1.509	54.731	45.501
Các khoản nợ không phân bổ																	1.486.524	1.227.747
Tổng nợ phải trả																	1.541.255	1.273.248
	Trung Quốc		Hoa kỳ		Thụy Điển		Vương Quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020	9T2021	9T2020
Chỉ tiêu vốn																	51.045	90.655
Khấu hao tài sản cố định hữu hình																	97.185	112.120
Khấu hao tài sản cố định vô hình																	558	825


Đà Nẵng, ngày 19 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long



Nguyễn Văn Hải